

Bản án số: 433/2022/DS-PT  
Ngày: 02/11/2022  
V/v “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Viết Văn.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Quân Việt Phương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLPT- DS ngày 10 tháng 3 năm 2022, về việc “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐ-PT ngày 17/5/2022, Quyết định hoãn phiên toà phiên toà số 208/2022/QĐPT-HPT ngày 02/6/2022, Quyết định ngừng phiên toà phiên toà số 225/2022/QĐPT-NPT ngày 16/6/2022, Thông báo mở lại phiên toà số 593/2022/TB-TA ngày 19/10/2022, giữa các đương sự:

***1. Đồng nguyên đơn:***

***1.1.*** Bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn 1, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Kiến Thông, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn 1, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

***1.2.*** Bà Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. ***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Phùng Minh Sơn, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 2, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội và bà Nguyễn Thị Mến, sinh năm 1975; địa

chỉ: **Số 332, tổ 41B, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.**

1.3. Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phùng Minh Sơn, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn 2, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.4. Bà Dương Thị Nhung, sinh năm 1950;

Nơi ĐKKTT: P230 nhà A4, T2 CKHN, Thượng Đình, Hà Nội; Địa chỉ hiện nay: C55, ngõ 109 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Trần Ngọc Tuấn, sinh năm 1976; Địa chỉ: 55, ngõ 109 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình Giã, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. *Người đại diện của ông Giã:* Anh Nguyễn Đình Thịnh, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Anh Tuấn - Chủ tịch UBND huyện Mê Linh. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Minh Giáp - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mê Linh;

3.2. Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1950 (*đã chết ngày 15/9/2020*).

*Người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nga:* Anh Nguyễn Đình Thịnh, SN: 1985. Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

3.3. Anh Nguyễn Đình Hiền, sinh năm 1971;

3.4. Chị Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1973;

3.5. Anh Nguyễn Đình Hậu, sinh năm 1972;

3.6. Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1975;

3.7. Anh Nguyễn Đình Phúc, sinh năm 1977;

3.8. Chị Phùng Thị Tính, sinh năm 1980;

3.9. Anh Nguyễn Đình Tùng, sinh năm 1980 (*đã chết năm 2017*). *Đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Tùng:* Chị Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1984;

3.10. Chị Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1984;

3.11. Anh Nguyễn Đình Tiến, sinh năm 1982;

3.12. Anh Nguyễn Đình Thịnh, sinh năm 1985;

3.13. Chị Lưu Thị Mai, sinh năm 1990;

3.14. Cháu Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Đình Tuấn, sinh năm 1996 (*con anh Hiền và chị Phương*);

3.15. Cháu Nguyễn Thị Tâm, sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Đình Toàn, sinh năm 2001 (*con anh Phúc và chị Tính*);

3.16. Cháu Nguyễn Đình Dương, sinh năm SN: 2004; cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh năm 2007 (*con anh Tùng và chị Loan*). *Người đại diện*: Chị Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1984;

3.17. Cháu Nguyễn Đình Đạt, sinh năm 2009; cháu Nguyễn Đình Phát, sinh năm 2012; cháu Nguyễn Đình Khang, sinh năm 2017; cháu Nguyễn Thị Hoài An, sinh năm 2019 (*con anh Thịnh và chị Mai*). *Người đại diện*: Anh Nguyễn Đình Thịnh, sinh năm 1985;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện tham gia tố tụng đều có địa chỉ: Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của anh Hiền, chị Phương, anh Hậu, chị Hạnh, anh Phúc, chị Tính, chị Loan, anh Tiến, chị Mai*: Anh Nguyễn Đình Thịnh, SN: 1985; Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo, bà Nguyễn Thị Phượng, bà Nguyễn Thị Minh là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo Bản án dân sự sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2015, bản tự khai đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng, bà Nguyễn Thị Minh; người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:*** Bố mẹ bà Phượng, bà Minh là cụ Nguyễn Đình Kỷ, sinh năm 1907, mất năm 1989 và mẹ là cụ Nguyễn Thị Côi, sinh năm 1913, mất năm 1993, có 04 người con gồm: Dương Thị Nhung, sinh năm 1943; Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1944; Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1954; Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1959. Khi mất, cụ Kỷ và cụ Côi không để lại di chúc. Di sản thừa kế cụ Kỷ và cụ Côi để lại gồm: Thửa đất số 209, diện tích 1.121m<sup>2</sup>; thửa đất số 235, diện tích 418m<sup>2</sup>; thửa đất số 234, diện tích 361m<sup>2</sup>; thửa đất số 424, diện tích 220m<sup>2</sup>; thửa đất số 423, diện tích 247m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 8 năm 1986 tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Tài sản trên đất có: Nhà cấp 4 bốn gian diện tích khoảng 60m<sup>2</sup>, 02 gian bếp diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>, sân gạch khoảng 50m<sup>2</sup>, chuồng trại, nhà vệ sinh cùng nhiều cây cối cổ thụ và hoa màu trên đất. Khi còn sống cụ Kỷ và cụ Côi nuôi cháu ngoại Nguyễn Thị Thúy là con của bà Loan, sau khi cụ Kỷ và cụ Côi mất cháu Thúy về quê bố ở Thạch Thất, Hà Tây sống. Vì điều kiện bà Phượng, bà Minh ở xa nên tạm thời giao cho ông Giã ở trên nhà cấp 4 của cụ Kỷ và cụ Côi, hàng năm ông Giã thu hoạch hoa màu và tiền bà Minh, bà Phượng góp để cúng giỗ. Năm 2002, khi bà Minh và bà Phượng đến cúng giỗ ngày 15/2 hàng năm, ông Giã đã phá dỡ hết toàn bộ công trình xây dựng và cây cối trên đất

của cụ Kỷ, cụ Côi để xây dựng nhà mới, bà Minh và bà Phượng không đồng ý, yêu cầu ông Giã làm trả lại, ông Giã hứa nhưng không thực hiện. Sau khi làm xong ông Giã cho con trai ra ở. Năm 2007 ông Giã tiếp tục chặt hết cây cối hoa màu làm nhà thứ 2 cho con trai, bà Minh và bà Phượng không cho làm nhưng ông Giã vẫn tiếp tục làm và đuổi các bà ra khỏi nhà và nói là đã có sổ đỏ.

Bà Minh và bà Phượng xác định cụ Kỷ và cụ Côi không biết chữ, sau khi mất đi không để lại bất cứ một loại giấy tờ gì cho ông Giã. Bà Minh và bà Phượng xác định năm 1987 cụ Kỷ và cụ Côi có viết giấy giao tài sản đất đai cho các bà kèm theo 02 chứng minh thư nhân dân của cụ Kỷ và cụ Côi. Các thửa đất nêu trên tại sổ mục kê, sổ địa chính của địa phương năm 1978 và năm 1986 vẫn mang tên cụ Kỷ và cụ Côi. Nay bà Minh và bà Phượng yêu cầu Tòa án buộc ông Giã phải trả lại di sản thừa kế trên. Quá trình giải quyết vụ án ngày 05/5/2019, bà Minh và bà Phượng có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 733045 do UBND huyện Mê Linh cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Giã ngày 15/11/2000.

**- Ngày 09/01/2020, bà Dương Thị Nhung và bà Nguyễn Thị Loan là các con của cụ Kỷ và cụ Côi có đơn khởi kiện đòi di sản thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi:** Bà Nhung và bà Loan và có quan điểm trình bày như bà Minh và bà Phượng. Quá trình giải quyết: Bà Nhung khai, năm 1950 sau khi bà sinh ra thì cụ Kỷ và cụ Côi đã cho bà đi làm con nuôi ông Dương Văn Tổ và bà Nguyễn Thị Lâu ở Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên bà mới lấy họ là Dương từ đó cho đến nay; bà Loan cho biết, năm 2008-2009 UBND xã Thạch Đà có tiến hành đền bù đất nông nghiệp để xây dựng trụ sở, cụ Kỷ và cụ Côi được đền bù số tiền 10 triệu đồng, ông Giã là người trực tiếp lấy tiền đền bù. Năm 2010, khi về làm giỗ, ông Giã có đưa tiền này cho bà và đưa cho bà Ký vào một tờ giấy không có nội dung, ông Giã và Nguyễn Thị Nga (vợ ông Giã) nói với bà là “Chị nhận tiền đền bù đất nông nghiệp của UBND xã Thạch Đà thì phải ký vào giấy là đã nhận tiền”. Vì bà chỉ học hết lớp 1 nên bà Nga đọc cho viết nội dung là đã nhận của ông Giã 10 triệu đồng. Sau khi nhận tiền đền bù đất bà có cho lại vợ chồng ông Giã 1.000.000đ.

**\* Tại biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa người đại diện của bị đơn ông Nguyễn Đình Giã là anh Nguyễn Đình Thịnh (con trai ông Giã) trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:** Ông Nguyễn Đình Giã với bà Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Thị Loan và Dương Thị Nhung là con chú con bác ruột. Bố ông Giã là cụ Nguyễn Đình Ký; bố mẹ bà Minh, bà Phượng, bà Loan và bà Nhung là cụ Nguyễn Đình Kỷ (mất năm 1990) và cụ Nguyễn Thị Côi (mất năm 1992).

Về đất bà Phượng, bà Minh, bà Loan và Nhung khởi kiện đòi di sản thừa kế gồm: Thửa đất số 209, diện tích 1.121m<sup>2</sup>; thửa đất số 235, diện tích 418m<sup>2</sup>; thửa đất số 234, diện tích 361m<sup>2</sup>; thửa đất số 424, diện tích 220m<sup>2</sup>; thửa đất số 423, diện tích 247m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 8 năm 1986, tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện

Mê Linh, thành phố Hà Nội là của cụ Nguyễn Đình Kỷ và cụ Nguyễn Thị Côi. Các con của cụ Kỷ, cụ Côi lớn lên đi lấy chồng chỉ còn lại cụ Kỷ và cụ Côi ở trên đất. Khi các cụ già yếu sống ở trên đất, ông Giã và bà Nga là cháu thường xuyên đến chăm lo cho các cụ. Năm 1989, cụ Nguyễn Đình Kỷ có bán đất cho ông Nguyễn Hữu Đường ở Xóm 12, thôn 3, xã Thạch Đà diện tích là 03 sào, sau đó cụ bán tiếp cho ông Nguyễn Đình Thành ở Đội 9, thôn 2, xã Thạch Đà là 02 sào, 05 thước. Biết được việc này ông Giã và bà Nga đã mang tiền vào chuộc lại đất cụ Kỷ đã bán, sau khi chuộc ông Giã và bà Nga có nói với cụ Kỷ là đã chuộc lại đất cụ Kỷ bán cho ông Đường và ông Thành. Về giấy tờ cụ Kỷ bán đất cho ông Nguyễn Hữu Đường và ông Nguyễn Đình Thành thì ông Giã và bà Nga không có nhưng ông Thành có giấy nhận tiền chuộc đất của ông Giã là 2.500.000đ, hiện nay ông Thành vẫn còn sống; ông Đường có giấy nhận số tiền chuộc đất của ông Giã là 5.300.000đ, hiện ông Đường đã chết. Cũng năm 1989, cụ Kỷ và cụ Côi gọi vợ chồng ông Giã và bà Nga vào nói chuyện, do cụ Kỷ và cụ Côi không có con trai nên đã giao đất của các cụ cho ông Giã và bà Nga, ông Giã và bà Nga có trách nhiệm chăm sóc các cụ, sau này các cụ già yếu mất thì phải lo mai táng và thờ cúng tổ tiên, ông Giã và bà Nga đã nhận lời các cụ. Ngày 09/02/1989, cụ Kỷ đã làm Giấy ủy nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu cho ông Nguyễn Đình Giã có sự chứng kiến của các cụ Nguyễn Đình Hồ và cụ Nguyễn Đình Ngọc là em trai (hiện nay các cụ đã chết), người viết Giấy ủy nhiệm thừa kế tài sản ngày 09/02/1989 là ông Nguyễn Đình Hiền, hiện nay vẫn còn sống và biết tường tận sự việc, sau khi lập văn bản cụ Kỷ và cụ Côi không ai có ý kiến gì. Ngày 11/3/1990 cụ Kỷ chết, ông Giã và bà Nga là người đứng ra lo mai táng cho cụ Kỷ, sau đó đón cụ Côi về trong nhà ông Giã để chăm sóc, đến ngày 22/10/1993 cụ Côi chết, ông Giã và bà Nga cũng là người lo mai táng cho cụ Côi.

Sau khi các cụ mất, đất của cụ Kỷ, cụ Côi được ông Giã và bà Nga quản lý, sử dụng đất, cải tạo đất. Trong thời gian quản lý sử dụng đất ông Giã và bà Nga có sử dụng một phần đất ao của nhà nước (trước năm 1993) giáp với thửa đất của cụ Kỷ và cụ Côi. Ông Giã và bà Nga sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, năm 1997 có kê khai và được UBND xã Thạch Đà ghi vào sổ địa chính để quản lý theo quy định, diện tích đất này nay là một phần thửa đất số 134 và 135, tờ bản đồ năm 1997 (trước đây bố mẹ tôi sử dụng là thửa đất số 208 và một phần thửa đất số 207, tờ bản đồ năm 1986).

Năm 1998, năm 2003, năm 2010 các con ông Giã và bà Nga là Nguyễn Đình Phúc, Nguyễn Đình Tùng và Nguyễn Đình Thịnh lấy vợ. Sau khi lấy vợ ông Giã và bà Nga cho các con ra ở trên phần đất của cụ Kỷ và cụ Côi. Đến ngày 15/11/2000, phần đất cụ Kỷ, cụ Côi và một phần đất ao của ông Giã và bà Nga sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với ai đã được UBND huyện Mê Linh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 733045 đối với các thửa đất: Thửa 77, diện tích 420m<sup>2</sup> đất ao; thửa 133, diện tích 1057m<sup>2</sup> (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 857m<sup>2</sup>); thửa đất số 134, diện

tích 220m<sup>2</sup> đất ao; thửa đất số 135, diện tích 501m<sup>2</sup> đất vườn; thửa 136, diện tích 832m<sup>2</sup> đất ao. Tổng diện tích được cấp giấy là 3030m<sup>2</sup> cho hộ ông Nguyễn Đình Giã. Thời điểm cấp GCNQSDĐ vào năm 2000 hộ gia đình ông Giã gồm có: Nguyễn Đình Giã, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Đình Hiền, Nguyễn Đình Tùng, Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Đình Thịnh, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Đình Tuấn.

Việc bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Loan và Dương Thị Nhung khởi kiện đòi di sản thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi là không có căn cứ vì tài sản của Kỷ và cụ Côi đã cho ông Giã và bà Nga, nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Về số tiền 10.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Loan nhận ghi phía sau Giấy ủy nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu ngày 09/02/1989. Đây là tiền cụ Kỷ được bồi thường đất nông nghiệp ông Giã giao lại cho bà Nguyễn Thị Loan.

***\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

***1. Người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Nga là anh Nguyễn Đình Thịnh (con trai bà Nga) trình bày:*** Quan điểm của bà Nga cũng thống nhất với quan điểm của bị đơn ông Nguyễn Đình Giã. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của đồng nguyên đơn.

***2. Anh Nguyễn Đình Hiền trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:*** Về quan hệ gia đình anh là con cả của ông Nguyễn Đình Giã và bà Nguyễn Thị Nga. Anh sinh ra và lớn lên tại: Đội 15, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh. Năm 1991, tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Phương ở cùng thôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ ở Đội 15, thôn 3, xã Thạch Đà. Nguồn gốc đất ở Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh bố mẹ anh được cụ Nguyễn Đình Kỷ cho đất ở và đất vườn ao. Đến ngày 15/11/2000 đất cụ Kỷ cho bố mẹ anh được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số D 733045 cho hộ ông Nguyễn Đình Giã. Phần đất này hiện bố mẹ anh cho vợ chồng các con: Nguyễn Đình Phúc, Nguyễn Đình Tùng và Nguyễn Đình Thịnh sử dụng, các em của anh đã sử dụng ổn định từ đó đến nay. Thời điểm cấp GCNQSDĐ vào năm 2000 theo anh được biết hộ gia đình ông Giã gồm có: Nguyễn Đình Giã, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Đình Hiền, Nguyễn Đình Tùng, Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Đình Thịnh, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Đình Tuấn. Anh xác định tài sản này là tài sản của bố mẹ anh, một phần được cụ Kỷ và cụ Côi cho riêng và một phần đất do bố mẹ tạo dựng được nhà nước công nhận, các em anh chỉ ra ở và tạo dựng tài sản trên đất. Nay các bà Phương, Minh, Loan và Nhung khởi kiện đòi di sản thừa kế, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Về việc hủy GCNQSD số P 733045 ngày 15/11/2000 cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Giã anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**3. Chị Nguyễn Thị Phương (vợ anh Nguyễn Đình Hiền); anh Nguyễn Đình Hậu, chị Nguyễn Thị Hạnh, anh Nguyễn Đình Tiến** là các em anh Nguyễn Đình Hiền có lời khai và quan điểm như anh Hiền.

**4. Cháu Nguyễn Thị Yến và cháu Nguyễn Đình Tuấn trình bày:** Ông bà nội các cháu là Nguyễn Đình Giã và Nguyễn Thị Nga, bố mẹ các cháu Nguyễn Đình Hiền và Nguyễn Thị Phương. Phần đất bố mẹ các cháu đang ở tại Đội 15, thôn 3, không có tranh chấp với ai. Đối với phần đất tại Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCQSQSDĐ số P 733045 ngày 15/11/2000 cho ông nội các cháu là Nguyễn Đình Giã. Thời điểm cấp giấy cho hộ ông Giã có tên các cháu trong hộ gia đình. Tuy nhiên, đất này là tài sản của ông bà nội, các cháu không có đóng góp gì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**5. Anh Nguyễn Đình Phúc trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:**

Anh là em trai anh Nguyễn Đình Hiền, về quan hệ gia đình như anh Hiền trình bày là đúng. Năm 1997, anh lấy vợ là chị Phùng Thị Tính và được bố mẹ cho ra ở riêng tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà và sống từ đó cho đến nay, ngày 15/11/2000 bố anh được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSQSDĐ số P733045. Về nguồn gốc đất này anh được biết bố mẹ anh được cụ Nguyễn Đình Kỷ tặng cho bố mẹ anh vào năm 1989. Anh xác định tài sản này là tài sản của bố mẹ anh, một phần được cụ Kỷ và cụ Côi cho riêng và một phần đất do bố mẹ tạo dựng được nhà nước công nhận. Về tài sản trên đất: Vợ chồng anh có xây dựng được nhà cấp 4 ba gian, diện tích khoảng 70 m<sup>2</sup>, công trình phụ, khu chuồng trại chăn nuôi, đồ đất, tôn tạo đất, trồng khoảng 30 cây bưởi và một số tài sản khác. Các tài sản trên đất do vợ chồng anh xây dựng các con chung không có đóng góp gì. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện anh cũng có quan điểm anh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Về việc hủy GCNQSDĐ anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**6. Chị Phùng Thị Tính (vợ anh Nguyễn Đình Phúc)** có quan điểm như anh Phúc.

**7. Cháu Nguyễn Thị Tâm và cháu Nguyễn Đình Toàn trình bày:** Các cháu là con bố Nguyễn Đình Phúc và mẹ Phùng Thị Tính. Đối với tài sản bố mẹ các cháu tạo dựng tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà các cháu không có đóng góp gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**8. Chị Nguyễn Thị Loan trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:** Chị là vợ anh Nguyễn Đình Tùng (đã chết năm 2007). Về quan hệ gia đình như anh Hiền trình bày là đúng. Vào năm 2003, chị có kết hôn với anh Tùng, sau khi kết hôn bố mẹ chồng chị cho vợ chồng ra ở riêng tại Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh. Đất này đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSQSDĐ số P733045 ngày 15/11/2000 cho bố chồng chị là Nguyễn Đình Giã. Về nguồn gốc đất như thế nào thì chị không được biết. Về tài sản trên đất, vợ chồng chị có xây dựng được nhà 02 tầng, công trình phụ, công trình chăn nuôi, tường bao, cổng sắt, trụ cổng, cây năm quả và

các công trình khác. Đến năm 2017, chồng chị là Nguyễn Đình Tùng mất, chị vẫn ở trên đất này để nuôi con là Nguyễn Đình Dương, sinh năm 2004 và Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh năm 2008. Các tài sản trên đất do vợ chồng chị xây dựng, các con chung không có đóng góp gì. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện đòi di sản thừa kế chị đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Về việc hủy GCNQSD chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**9. Cháu Nguyễn Đình Dương trình bày:** Ông nội cháu là Nguyễn Đình Giã, bà nội là Nguyễn Thị Nga, bố cháu Nguyễn Đình Tùng và mẹ là Nguyễn Thị Loan. Đối với tài sản bố mẹ cháu tạo dựng tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà cháu không có đóng góp gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**10. Anh Nguyễn Đình Thịnh trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:** Về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất như anh Nguyễn Đình Hiền là anh trai trình bày là đúng. Anh sinh ra và lớn lên tại Đội 15, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh. Năm 2009, anh lấy vợ là chị Lưu Thị Mai và được bố mẹ cho ra ở riêng tại Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà và sống từ đó cho đến nay. Khi ra đất này ở vợ chồng anh có tôn tạo đất, xây dựng được nhà mái bằng ba gian diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> và trồng cây ăn quả. Về nguồn gốc đất này anh được biết bố mẹ anh được cụ Nguyễn Đình Kỷ tặng cho bố mẹ anh vào năm 1989. Ngày 15/11/2000 UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số P733045 cho bố anh là Nguyễn Đình Giã. Anh xác định quyền sử dụng đất tài sản này là của bố mẹ anh, một phần được cụ Kỷ và cụ Côi cho riêng và một phần đất do bố mẹ tạo dựng được nhà nước công nhận. Nay các bà Phượng, Minh, Loan và Nhung khởi kiện đòi di sản thừa kế, anh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Về việc hủy GCNQSD anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với các con anh Nguyễn Đình Thịnh là Nguyễn Đình Đạt, Nguyễn Đình Phát, Nguyễn Đình Khang, Nguyễn Thị Hoài An, các cháu còn nhỏ hiện ở trên đất tranh chấp anh Thịnh là người đại diện.

**11. Chị Lưu Thị Mai** là vợ anh Nguyễn Đình Thịnh có quan điểm như anh Thịnh trình bày.

**12. Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh trình bày:** Quá trình kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với hộ ông Nguyễn Đình Giã xác định: Ngày 03/11/1999, ông Nguyễn Đình Giã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; ngày 18/12/1999, UBND xã Thạch Đà xác nhận đề nghị cấp GCNQSDĐ diện tích 3030m<sup>2</sup>; ngày 18/10/2000, Phòng địa chính xác nhận trên đơn với nội dung: Đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ 05 thửa diện tích 3030m<sup>2</sup>. Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai ngày 24/02/2000 được UBND xã Thạch Đà xác nhận ngày 28/02/2000. Thông báo về việc công khai hồ sơ đăng ký đất đai số 06 ngày 28/02/2000; Biên bản kết thúc công khai hồ sơ ngày 15/3/2000, trong thời gian 15 ngày công khai, UBND xã Thạch Đà không tiếp nhận được đơn khiếu nại về đất đai; Tờ trình số 06/TT-UB ngày 10/7/2000 của



UBND xã về việc cấp GCNQSDĐ và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ; Tờ trình số 106/TT-CGCN ngày 08/11/2000 của UBND huyện ngày 15/11/2000 về việc cấp GCNQSDĐ; Danh sách chủ sử dụng đất thổ cư đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đợt 3, trong đó có hộ ông Nguyễn Đình Giã, 05 thửa đất, diện tích 3030m<sup>2</sup>, được UBND xã Thạch Đà, Phòng địa chính huyện và UBND huyện ký duyệt. Như vậy, UBND huyện Mê Linh đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Đình Giã là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật về đất đai.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Nguyễn Thị Minh) là bà Nguyễn Thị Mến có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn người liên quan đều xác định di sản thừa kế là các thửa đất 209, 235, 234, 424, 423, tờ bản đồ số 8 năm 1986 có trong sổ mục kê, sổ địa chính năm 1978, 1986 là di sản của cụ Kỷ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi di sản thừa kế của đồng nguyên đơn. Về giấy ủy nhiệm thừa kế ngày 09/02 do bị đơn xuất trình đồng nguyên đơn không công nhận vì cụ Kỷ không biết chữ. Đề nghị HĐXX xem xét tính pháp lý của giấy ủy nhiệm thừa kế này. Về GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Giã không đúng thủ tục đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận này. Đồng nguyên đơn khác nhất trí với quan điểm của đại diện theo ủy quyền của bà Minh và không có ý kiến nào khác.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thịnh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Khi cụ Kỷ và cụ Côi chết gia đình vẫn còn lưu sổ của những người đến viếng, sau này sẽ cung cấp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã quyết định:

***1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Minh về khởi kiện đòi di sản thừa kế đối với ông Nguyễn Đình Giã.***

***2. Xác nhận: Thửa đất số 209, diện tích 1.121m<sup>2</sup>; thửa đất số 235, diện tích 418m<sup>2</sup>; thửa đất số 234, diện tích 361m<sup>2</sup>; thửa đất số 424, diện tích 220m<sup>2</sup>; thửa đất số 423, diện tích 247m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 8, năm 1986 tại: Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là di sản của cụ Nguyễn Đình Kỷ và cụ Nguyễn Thị Côi; có tổng diện tích sử dụng 2367m<sup>2</sup> (trong đó đất ao 828m<sup>2</sup>; đất vườn 1339m<sup>2</sup>; đất ở xác định theo hạn mức 200m<sup>2</sup>). Di sản của cụ Kỷ và cụ Côi được xác định bằng tiền là 1.283.342.000 đồng (mỗi cụ được 641.671.000 đồng).***

3. Xác nhận di chúc ngày 09/02/1989 của cụ Nguyễn Đình Kỷ có hiệu lực một phần. Năm 1990 cụ Kỷ chết, phần của cụ Kỷ là 641.671.000 đồng được chia theo di chúc và chia cho cụ Côi 2/3 suất của thừa kế theo luật không phụ thuộc vào di chúc.

3.1. Ông Nguyễn Đình Giã được chia thừa kế số tiền 556.114.900 đồng.

3.2. Bà Nguyễn Thị Côi được chia số tiền 85.556.100 đồng.

4. Cụ Nguyễn Thị Côi chết năm 1993, di sản thừa kế của cụ Côi được xác định bằng tiền là: 727.227.100 đồng.

4.1. Trích 2/3 tổng trị giá di sản của cụ Nguyễn Thị Côi để chi công sức duy trì, bảo quản, đầu tư, tôn tạo di sản cho ông Nguyễn Đình Giã là 484.818.066 đồng.

4.1. Phần trị giá di sản của cụ Côi còn lại là 242.049.034 đồng.

5. Giao tài sản bằng hiện vật.

5.1. Buộc ông Nguyễn Đình Giã phải trả lại cho các đồng thừa kế của cụ Côi gồm: Bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh một phần thửa đất số 235 có diện tích 173,7m<sup>2</sup> (giới hạn bởi các mốc 1,2,23,21,22,1), trong đó: 40m<sup>2</sup> đất ở, 133,7 m<sup>2</sup> đất vườn và một phần thửa số 243 có diện tích 105,7m<sup>2</sup>(giới hạn bởi các mốc 21,23,19,20,21) đều thuộc tờ bản đồ số 8, năm 1986, tại: Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội(có sơ đồ kèm theo)có trị giá là 227.394.100 đồng.

5.2. Ông Giã được quyền sử dụng: Một phần thửa đất số 235 có diện tích 244,3m<sup>2</sup>(giới hạn bởi các mốc 2,3,4,24,23,2), trong đó: 60m<sup>2</sup> đất ở, 184,3m<sup>2</sup> đất vườn; một phần thửa đất ao số 423 có diện tích 141,3m<sup>2</sup>(giới hạn bởi các mốc 23,24,18,19,23); thửa đất 209 có diện tích 1121m<sup>2</sup> (giới hạn bởi các mốc 8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,25,26,27,5,6,7,8), trong đó: 100m<sup>2</sup> đất ở và 1021m<sup>2</sup> đất vườn; thửa đất ao số 234 diện tích 361m<sup>2</sup>(giới hạn bởi các mốc 4,5,27,26,25,24,4); thửa đất ao số 424 có diện tích 220m<sup>2</sup> (giới hạn bởi các mốc 24,25,17,18,24) đều thuộc tờ bản đồ số 8, năm 1986, tại: Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (có sơ đồ kèm theo) có trị giá 1.055.947.900 đồng. Ông Giã phải thanh toán cho các đồng thừa kế của cụ Côi là: Bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh số tiền 15.014.934 đồng.

5.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

6. Hủy GCNQSDĐ số P733045 do UBND huyện Mê Linh cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Giã ngày 15/11/2000 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 1952-QSDĐ/534/QĐUB.

7. Khi bản án có hiệu lực pháp luật: Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

8. Bác các yêu cầu khác của đương sự

9. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Đình Giã phải trả cho đồng nguyên đơn bà Minh và bà Phụng số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý, bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm chỉ trừ phần huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Giã. Bà Phụng, bà Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không công nhận văn bản “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” là di chúc vì đây không phải là ý chí của cụ Nguyễn Đình Kỷ. Yêu cầu gia đình ông Giã trả lại đúng tài sản của bố mẹ các bà theo yêu cầu khởi kiện của các bà. Văn bản “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” là văn bản lập sau khi cụ Kỷ chết, đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan công an để làm rõ việc làm giả tài liệu hồ sơ.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không xuất trình chứng cứ mới.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không công nhận “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” do làm giả; buộc gia đình ông Giã trả lại toàn bộ diện tích đất của cụ Kỷ, cụ Côi để lại.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung, sau khi phân tích đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không đủ căn cứ để xác định “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” có hiệu lực pháp luật. Do có nhiều công sức nên chia cho gia đình ông Giã được hưởng 1/3 diện tích đất có nguồn gốc từ cụ Kỷ và cụ Côi; phần đất còn lại có nguồn gốc từ cụ Kỷ và cụ Côi gia đình ông Giã phải trả lại cho đồng nguyên đơn; đồng nguyên đơn thanh toán giá trị tài sản trên đất cho gia đình ông Giã.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng, bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Sinh thời, cụ Nguyễn Đình Kỷ và cụ Nguyễn Thị Côi sinh được 04 người con gồm: Bà Dương Thị Nhung, sinh năm 1943; bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1944; bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1959. Ngoài ra các cụ không có con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

Về thời gian chết của cụ Kỷ, theo đồng nguyên đơn cung cấp bản sao Giấy chứng tử, cụ Kỷ chết ngày 15/02/1989. Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành thu thập Sổ cấp giấy chứng tử và làm việc với địa phương xác định chính xác cụ Nguyễn Đình Kỷ chết ngày 11/3/1990, người đi khai tử là ông Nguyễn Đình Giã; cụ Côi chết ngày 22/10/1993.

Khi chết, cụ Kỷ và cụ Côi có để lại di sản là Thửa đất số 209, 235, 234, 424, 423 đều thuộc tờ bản đồ số 8 năm 1986, tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh; tài sản trên đất (*theo nguyên đơn trình bày*) có: Nhà cấp 4 bốn gian diện tích khoảng 60m<sup>2</sup>, 02 gian bếp diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>, sân gạch khoảng 50m<sup>2</sup>, chuồng trại, nhà vệ sinh cùng nhiều cây cối cổ thụ và hoa màu trên đất (*tài sản trên đất hiện nay không còn*).

### ***Tài liệu địa chính về nguồn gốc các thửa đất nêu trên:***

- Theo sổ mục kê và tờ bản đồ đất bãi, năm 1978 là: Thửa đất số 646 diện tích 1196m<sup>2</sup>; thửa đất số 676 diện tích 508m<sup>2</sup>, thửa đất số 677 diện tích 330m<sup>2</sup>, thửa đất số 678 diện tích 300m<sup>2</sup>, thửa đất số 679 diện tích 202m<sup>2</sup>, thửa đất số 500 diện tích 255m<sup>2</sup>, tất cả đều mang tên cụ Nguyễn Đình Kỷ.

- Theo sổ mục kê và tờ bản đồ số 8, năm 1986 là: Thửa đất 209 diện tích 121m<sup>2</sup>(*trước đây là một phần thửa đất số 678 năm 1978*); thửa đất 235 diện tích 418m<sup>2</sup>(*trước đây là thửa đất số 676*); thửa đất số 423 diện tích 247m<sup>2</sup>(*trước đây là thửa số 677*); thửa đất số 424 diện tích 220m<sup>2</sup>(*trước đây là thửa 679*).Thửa đất số 209, 234 trong sổ mục kê mang tên cụ Kỷ; thửa số 235, 423 mang tên ông Giã; thửa số 424 ghi Hợp tác xã.

- Theo sổ mục kê và tờ bản đồ số 8, năm 1997 là: Thửa số 77, diện tích 420m<sup>2</sup>(*trước đây là một phần thửa 209*); thửa số 133, diện tích 1057m<sup>2</sup>(*trước đây là một phần thửa 234 và 209*); thửa số 134, diện tích 220m<sup>2</sup>(*trước đây là một phần thửa*

207); thửa 135, diện tích 501m<sup>2</sup> (trước đây là thửa 235 và một phần thửa 208); thửa số 136, diện tích 832m<sup>2</sup> (trước đây là thửa số 423 và thửa số 424). Toàn bộ đều mang tên ông Giã.

***Quá trình quản lý, sử dụng đất sau khi cụ Kỷ và cụ Côi chết:***

Sau khi cụ Kỷ và cụ Côi chết, ông Nguyễn Đình Giã là người quản lý, sử dụng các thửa đất của các cụ. Bị đơn, ông Giã cho biết vì các cụ không có con trai, các con đã đi lấy chồng xa, không có ai thờ cúng, nên trước khi chết cụ Kỷ và cụ Côi có gọi ông sang giao toàn bộ tài sản đất đai hoa màu. Ngày 09/02/1989, cụ Kỷ đã làm “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” giao toàn bộ tài sản đất đai hoa màu cho ông Giã. Ngày 15/11/2000 được UBND huyện Mê Linh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P733045 cho hộ ông Nguyễn Đình Giã.

Tại “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” do ông Nguyễn Đình Giã xuất trình có nội dung: “...Tôi là Nguyễn Đình Kỷ, 81 tuổi vợ tôi là Nguyễn Thị Côi. Hai vợ chồng tôi đã thống nhất đồng ý là giao quyền sử dụng toàn bộ tài sản hoa màu đất đai cho cháu tôi là Nguyễn Đình Giã ở đội 15 - thôn 3 - Thạch Đà - Mê Linh - Vĩnh Phú. Anh Giã có trách nhiệm trông nom chăm sóc và nuôi dưỡng vợ chồng tôi lúc tuổi già, sống nuôi, chết chôn và khi chết phải lo mai táng và giỗ tết cúng có nơi thờ cúng của ông cha vậy gia đình tôi đã thống nhất đồng ý cùng các em tôi nhất trí giao toàn quyền sử dụng tài sản đất đai hoa màu này cho anh Giã hoàn toàn có quyền sử dụng và trách nhiệm”.

***Xem xét “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” thấy rằng:***

Về thời gian lập “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” được sửa lại phía trên của văn bản thành ngày 9/2/1890 âm lịch (giả thiết lập ngày 9/2/1989 âm lịch là ngày 5/3/1989 dương lịch) và phía dưới văn bản sửa thành ngày 9/2/89 (không ghi âm lịch hay dương lịch được xác định là ngày dương lịch). Kết quả của việc sửa này thì phía trên văn bản ghi thời gian 5/3/1989 dương lịch (9/2/1989 âm lịch), phía dưới văn bản lại là thời gian có trước 9/2/1989 dương lịch; như vậy là không logic về thời gian (ngược thời gian). Việc sửa năm có lý do năm 2011, bà Phượng và bà Minh đã có đơn kiện đòi lại tài sản, UBND xã Thạch Đà tổ chức hoà giải, phía bà Phượng, bà Minh trình bày cụ Kỷ chết năm 1989. Do tin vào lời khai này là đúng nên đã sửa lại năm từ 1990 thành 1989. Nhưng thực tế văn bản lại được sửa phía trên từ 1990 thành năm 1890 (trước khi Cụ Kỷ được sinh ra – cụ Kỷ sinh 1907), cụ thể là sửa số 9 hàng trăm thành số 8; phía dưới văn bản sửa từ 90 thành 89, cụ thể số 9 sửa thành số 8, số 0 sửa thành số 9.

“Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” ghi địa chỉ: “Nguyễn Đình Giã ở đội 15 - thôn 3 - Thạch Đà - Mê Linh - Vĩnh Phú”. Theo lịch sử chia tách, sáp

nhập địa giới hành chính thì: Ngày 29/12/1978, huyện Mê Linh được nhập về địa giới hành chính của thành phố Hà Nội; ngày 12/8/1991, huyện Mê Linh được nhập về địa giới hành chính của tỉnh Vĩnh Phú. Như vậy, thời gian lập văn bản trên dù năm 1989 hay năm 1990 thì khi đó Huyện Mê Linh thuộc địa giới hành chính của thành phố Hà Nội.

Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu được viết bằng tiếng Việt (chữ Quốc ngữ) phía dưới không có chữ ký, chỉ có 03 chữ viết bằng chữ Hán Nôm. Như vậy, cụ Kỷ không biết chữ Quốc ngữ là phù hợp với lời khai của các con cụ Kỷ và lời khai của các nhân chứng. Tại Văn bản số 16/HN ngày 16/3/2021 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm phiên dịch 03 chữ viết bằng chữ Hán Nôm là: Nguyễn Đình Kì”. Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện cụ Kỷ biết chữ Hán Nôm; chữ Hán Nôm ghi là Nguyễn Đình Kì, trong khi tên đúng là Nguyễn Đình Kỷ. Mặt khác, theo lời khai của bà Minh và đại diện uỷ quyền của bà Phượng (ông Thông) thì bố của bà Nguyễn Thị Nga (vợ của ông Giã) là cụ Nguyễn Hữu Hợi (đã chết khoảng năm 2012) trước kia là thầy mo, thầy cúng thường đi cúng cho dân làng là người biết chữ Nho (chữ Hán Nôm).

Chữ viết và sửa số là do ông Nguyễn Đình Hiền thực hiện - theo xác nhận của ông Hiền và Kết luận giám định số 267/C09-P5 ngày 24/9/2021 của Viện Khoa học hình sự. Tại thời điểm lập “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” năm 1989 hoặc năm 1990, ông Nguyễn Đình Hiền là Phó Bí thư đoàn xã Thạch Đà; tại thời điểm hoà giải vụ kiện tại UBND xã Thạch Đà ngày 27/4/2011, ông Nguyễn Đình Hiền là Chủ tịch UBND xã Thạch Đà.

Về người làm chứng: Tại “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” có ghi tên 2 người làm chứng đồng thời là em trai của cụ Kỷ: Cụ Nguyễn Đình Hổ, cụ Nguyễn Đình Ngọc. Phần cuối của “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” ghi tên “ông Nguyễn Đình Hổ” chỉ có dấu điểm chỉ; ghi tên “Nguyễn Đình Ngọc” có chữ ký.

Người làm chứng “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” là cụ Nguyễn Đình Hổ, cụ Nguyễn Đình Ngọc đã chết nên không có lời khai.

Theo lời khai của ông Nguyễn Đình Hiền thì: Cụ Nguyễn Đình Ngọc (có biết chữ Quốc ngữ) là bố đẻ của ông Hiền và là em họ cạch trên, cạch dưới với cụ Kỷ. Cụ Nguyễn Đình Hổ (không biết chữ) là em họ cạch thúc bá với cụ Kỷ.

Theo lời khai của bà Minh thì: Cụ Nguyễn Đình Ngọc là em họ đời thứ 5 với cụ Kỷ. Cụ Nguyễn Đình Hổ là em họ đời thứ 4 với cụ Kỷ.

Các con của cụ Kỷ là bà Nguyễn Thị Phượng và bà Nguyễn Thị Minh từ khi lấy chồng và thực tế sinh sống tại xã Thạch Đà ổn định cho đến nay nhưng không được tham gia khi lập “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu”.

Xem xét nội dung “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” ngày 9/2/1990 (sửa thành 9/2/1890 âm lịch) không phải là di chúc (*di chúc thể hiện*

*chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*) mà thực chất là giấy tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện.

Với những căn cứ trích dẫn trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không đủ căn cứ để xem xét giấy tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện được lập dưới dạng “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” có hiệu lực pháp luật. Bởi lẽ, “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” không có đủ các điều kiện để xác định có hiệu lực của giao dịch dân sự theo Điều 131, 395 của Bộ luật dân sự năm 1995. Do đó “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” được lập ngày 9/2/1990 (sửa thành 9/2/1890 âm lịch) không có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, gia đình ông Giã sử dụng đất có nguồn gốc từ cụ Kỷ và cụ Côi được xác định là không có căn cứ pháp luật nên phải trả lại cho các thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi theo Điều 264 của Bộ luật dân sự năm 1995.

Việc ông Giã khai đã chuộc lại 2 phần đất cụ Kỷ đã bán cho ông Nguyễn Hữu Đường và ông Nguyễn Đình Thành năm 1989. Tuy nhiên, ông Giã chỉ có giấy tờ thể hiện nội dung ông Giã chuộc lại đất từ ông Đường và ông Thành. Hiện nay, ông Đường đã chết, ông Thành còn sống xác nhận có việc chuyển nhượng nhưng không có giấy tờ. Ông Giã không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có việc chuyển nhượng đất giữa cụ Kỷ với ông Đường, ông Thành. Do vậy, Bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận việc ông Giã đã chuộc lại 2 phần đất của cụ Kỷ đã chuyển nhượng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cụ Nguyễn Đình Kỷ, chết ngày 11/3/1990; cụ Nguyễn Thị Côi, chết ngày 22/10/1993 đều không để lại di chúc. Do đó, tài sản đất đai hoa màu do cụ Kỷ và cụ Côi để lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của 4 người con của hai cụ là: Bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Phụng và bà Nguyễn Thị Minh. Tài sản đất đai hoa màu của cụ Kỷ và cụ Côi để lại được giải quyết trong vụ án này theo yêu cầu khởi kiện gồm: Thửa đất số 209, diện tích 1.121m<sup>2</sup>; thửa đất số 235, diện tích 418m<sup>2</sup>; thửa đất số 234, diện tích 361m<sup>2</sup>; thửa đất số 424, diện tích 220m<sup>2</sup>; thửa đất số 423, diện tích 247m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 8 năm 1986 tại: Đội 12, thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Các thửa đất này hiện do ông Giã, các con của ông Giã và bà Nga đang quản lý sử dụng.

Xem xét công sức của ông Giã, bà Nga và công sức của các con của ông Giã, bà Nga trong việc lo ma chay cho cụ Kỷ; chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ma chay cho cụ Côi; quản lý di sản thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi; tôn tạo đất từ năm 1990 cho đến nay nên cần trích một phần diện tích đất để thanh toán công sức; phần còn lại gia đình ông Giã phải trả lại cho 4 người con của cụ Kỷ và cụ Côi. Cụ thể, trích công sức của ông Giã, bà Nga và công sức của các con của ông Giã, bà Nga được hưởng diện tích 778,5m<sup>2</sup> hiện do anh Nguyễn Đình Thịnh cùng vợ con đang sử dụng có

nguồn gốc từ thửa 235, 423, một phần thửa 234, 424, tờ bản đồ số 8 năm 1986 của Cụ Kỹ và cụ Côi. Gia đình ông Giã phải trả diện tích đất còn lại 1.556,9m<sup>2</sup> có nguồn gốc từ thửa 209, phần lớn thửa 234, 424, tờ bản đồ số 8 năm 1986 của Cụ Kỹ và cụ Côi. Cụ thể, diện tích đất 1.556,9m<sup>2</sup> hiện do anh Nguyễn Đình Phúc cùng vợ là chị Phùng Thị Tính và các con đang sử dụng có diện tích là 759,7m<sup>2</sup> và diện tích đất hiện do chị Nguyễn Thị Loan cùng các con của chị Loan và anh Nguyễn Đình Tùng (đã chết) đang sử dụng có diện tích là 797,2m<sup>2</sup>.

Tài sản trên đất của Nguyễn Đình Phúc và Phùng Thị Tính cùng hai con là Nguyễn Thị Tâm và Nguyễn Đình Toàn, có: Nhà ở, nhà gạch mái ngói, nhà kho, công trình phụ, khu chăn nuôi, tường rào, trụ cổng, cổng sắt; cây: Bưởi, mít, đu đủ, theo kết quả định giá ngày 16/7/2019 có tổng giá trị là 62.347.000 đồng. Bà Nhung, bà Loan, bà Phượng và bà Minh được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối trên đất của gia đình anh Phúc, chị Tính và phải thanh toán trả anh Phúc, chị Tính bằng giá trị là 62.347.000 đồng.

Tài sản trên đất của Nguyễn Thị Loan cùng 2 con là Nguyễn Đình Dương và Nguyễn Thị Ngọc Ánh có: Nhà ở, nhà gạch mái ngói, nhà kho, công trình phụ mái tôn, khu chăn nuôi, tường rào, trụ cổng, cổng; cây: Bưởi, nhãn, cau, đu đủ, theo kết quả định giá ngày 16/7/2019 có tổng giá trị là 74.479.000 đồng. Bà Nhung, bà Loan, bà Phượng và bà Minh được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối trên đất của gia đình chị Loan và phải thanh toán trả chị Loan bằng giá trị là 74.479.000 đồng.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng cần phải sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm như phân tích trên.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 271, 273, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; ; Điều 131, 264, 304, 395, 634, 636, 637, 677, 678, 679 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 168, 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.



**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phụng, bà Nguyễn Thị Minh.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Phương và Nguyễn Thị Minh về đòi di sản thừa kế đối với ông Nguyễn Đình Giã.

2. Xác định thửa đất số 209, diện tích 1.121m<sup>2</sup>; thửa đất số 235, diện tích 418m<sup>2</sup>; thửa đất số 234, diện tích 361m<sup>2</sup>; thửa đất số 424, diện tích 220m<sup>2</sup>; thửa đất số 423, diện tích 247m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 8, năm 1986, tại thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là di sản của cụ Nguyễn Đình Kỷ và cụ Nguyễn Thị Côi có tổng diện tích sử dụng 2367m<sup>2</sup>.

3. Xác định “Giấy uỷ nhiệm thừa kế tài sản đất đai hoa màu” lập ngày 9/2/1990 (sửa thành 9/2/1890 âm lịch) không có hiệu lực pháp luật. Xác định Hộ gia đình ông Nguyễn Đình Giã sử dụng đất có nguồn gốc từ cụ Kỷ và cụ Côi không có căn cứ pháp luật nên phải trả lại cho các thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi.

4. Trích trả công sức của ông Nguyễn Đình Giã, bà Nga và công sức của các con của ông Giã, bà Nga trong việc lo ma chay cho cụ Kỷ; chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ma chay cho cụ Côi; quản lý di sản thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi; tôn tạo đất từ năm 1990 cho đến nay bằng hiện vật là 778,5m<sup>2</sup> đất (*được giới hạn bởi các điểm 11,12,13,14,15,11 theo sơ đồ kèm theo Bản án*) hiện do anh Nguyễn Đình Thịnh cùng vợ con đang sử dụng (có nguồn gốc từ thửa 235, 423 và một phần thửa 234, 424 tờ bản đồ số 8 năm 1986, tại Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội của cụ Nguyễn Đình Kỷ và cụ Nguyễn Thị Côi).

5. Buộc ông ông Nguyễn Đình Giã; anh Nguyễn Đình Phúc và chị Phùng Thị Tính cùng hai con là Nguyễn Thị Tâm và Nguyễn Đình Toàn; chị Nguyễn Thị Loan cùng 2 con là Nguyễn Đình Dương và Nguyễn Thị Ngọc Ánh; và những người khác (nếu có) phải trả diện tích đất 1.556,9m<sup>2</sup> (*được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,7,8,9,10,11,15,3 theo sơ đồ kèm theo Bản án*) có nguồn gốc từ thửa 209 và phần lớn thửa 234, 424 tờ bản đồ số 8 năm 1986 tại Thôn 3, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội của cụ Nguyễn Đình Kỷ và cụ Nguyễn Thị Côi cho những người thừa kế của cụ Kỷ và cụ Côi là: Bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Phụng và bà Nguyễn Thị Minh.

6. Bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Phụng và bà Nguyễn Thị Minh liên đới thanh toán trả anh Nguyễn Đình Phúc và chị Phùng Thị Tính giá trị tài sản trên đất gồm: Nhà ở, nhà gạch mái ngói, nhà kho, công trình phụ,

khu chăn nuôi, tường rào, trụ cổng, cổng sắt; cây: Bưởi, mít, đu đủ bằng tiền là 62.347.000đ (*sáu mươi hai triệu ba trăm bốn bảy nghìn đồng*). Bà Nhung, bà Loan, bà Phụng và bà Minh được sở hữu các tài sản, cây cối trên đất ngay sau khi thanh toán đủ tiền.

**7.** Bà Dương Thị Nhung, bà Nguyễn Thị Loan, bà Nguyễn Thị Phụng và bà Nguyễn Thị Minh liên đới thanh toán trả chị Nguyễn Thị Loan giá trị tài sản trên đất gồm: Nhà ở, nhà gạch mái ngói, nhà kho, công trình phụ mái tôn, khu chăn nuôi, tường rào, trụ cổng, cổng; cây: Bưởi, nhãn, cau, đu đủ bằng tiền là 74.479.000đ (*bảy mươi tư triệu bốn trăm bảy chín nghìn đồng*). Bà Nhung, bà Loan, bà Phụng và bà Minh được sở hữu các tài sản, cây cối trên đất ngay sau khi thanh toán đủ tiền.

**8.** Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P733045 do Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh cấp cho Hộ ông Nguyễn Đình Giã ngày 15/11/2000 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 1952-QSDĐ/534/QĐUB.

Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai để thực hiện việc kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án này và theo quy định của pháp luật.

**9.** Bác các yêu cầu khác của đương sự.

**10.** Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Đình Giã phải trả cho đồng nguyên đơn bà Minh và bà Phụng số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

**11.** Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.*

**12.** Quyền, nghĩa vụ khi thi hành án dân sự:

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**13.** Án phí:

\* Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho đồng nguyên đơn, bị đơn. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Phượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000đ (*mười bốn triệu đồng*) theo Biên lai thu số 03866 ngày 19/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

\* Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phượng, bà Nguyễn Thị Minh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**14.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Viết Văn**